



# HUYỆN VĂN GIANG

179 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG







# BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THỊ TRẦN VĂN GIANG



## Mẹ ĐẶNG THỊ CHUỘT



Năm sinh: 1906; năm tử trần: 1997  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Mạnh Triệu: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 28-02-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 187<sup>b</sup> ngày 25-5-1974.

## Mẹ NGUYỄN THỊ LỄ



Năm sinh: 1908; năm tử trần: 2014  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Khắc Tuất: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 7- 1968; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 2, Sư đoàn 3- KN; hy sinh ngày 12-10-1969, tại tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 223<sup>b</sup> ngày 03-7-1976.

## Mẹ BÙI THỊ ÚN



Năm sinh: 1922; năm tử trần: 1955  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quốc Ân: Sinh năm 1945; nhập ngũ ngày 22-4-1966; đơn vị tại ngũ P1; hy sinh ngày 21-6-1972, tại tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số HR105<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.







### Mẹ TRẦN THỊ DẠT



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1970  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hùng: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 9-1966; hy sinh ngày 18-7-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK913<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.

### Mẹ NGUYỄN THỊ DẦN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1969  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đàm Văn Mạc: Sinh năm 1937; nhập ngũ ngày 25-9-1968; hy sinh ngày 12-01-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE117<sup>b</sup> ngày 31-12-1976

### Mẹ VŨ THỊ QUYÊN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1974  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Huy: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 12-02-1952; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh ngày 4-7-1954, tại Lê Tôn Hy, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 815<sup>b</sup> ngày 02-01-1960.





### Mẹ ĐỖ THỊ PHƯỢNG



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1941  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 7-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Văn Mũi: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 7-1947; hy sinh năm 1949, tại Lê Tôn Hy, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 192<sup>b</sup> ngày 19-12-1962.

### Mẹ ĐỖ THỊ CAM



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1984  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiến: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 10-1967; hy sinh ngày 5-7-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số PS 020<sup>b</sup>/CL ngày 4-9-1975.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ba: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 8-1969; hy sinh ngày 01-7-1970, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 820<sup>b</sup>/CL ngày 15-7-1976.

### Mẹ ĐẶNG THỊ HỢI



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1961  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đặng Văn Vinh: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 2-1966; hy sinh ngày 4-3-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 319<sup>b</sup>/CL ngày 14-6-1973.  
2. Liệt sĩ Đặng Văn Quang: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 2-1965; hy sinh ngày 26-5-1972, tại tỉnh Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NO 812<sup>b</sup>/CL ngày 17-8-1974.





## Mẹ NGUYỄN THỊ BÌNH



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1945  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Chu Văn Quý: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 19-8-1946; hy sinh ngày 29-10-1949, tại Lê Tôn Hy, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 077<sup>b</sup>/CL ngày 01-12-1959.
2. Liệt sĩ Chu Đình Dân: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 15-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 134<sup>b</sup>/CL ngày 14-6-1973.

## Mẹ ĐẶNG THỊ KHIÊU



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1995  
Quê quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2595/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đặng Ngọc Thung: Sinh năm 1943; nhập ngũ ngày 15-4-1965; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 102, Binh đoàn 32; hy sinh ngày 09-11-1968, tại tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 319<sup>b</sup>/CL ngày 16-8-1971
2. Liệt sĩ Đặng Đức Sinh: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 12-1969; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 04-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EK 306<sup>b</sup>/CL ngày 12-4-1973.







## Mẹ VŨ THỊ QUYÊN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1974  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Vu: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1965; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 528 KT; hy sinh ngày 03-5-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 708<sup>b</sup> ngày 19-12-1970.

## Mẹ LÊ THỊ HÍT



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1972  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Chi: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ C4, D2, E95, P1; hy sinh ngày 03-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 0571<sup>b</sup> ngày 28-12-1976.

## Mẹ NGUYỄN THỊ HẬU



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1955  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Phục: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 3; hy sinh ngày 01-6-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 115<sup>b</sup> ngày 23-7-1976.







### Mẹ LÊ THỊ CHANG



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1966  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 516/QĐ/CTN ngày 12-8-2004.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Quyết: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 02-1965; đơn vị tại ngũ công trường 7, B2 miền Đông Nam Bộ; hy sinh ngày 17-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RS 022<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.

### Mẹ BÙI THỊ DẦN



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2009  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Sách: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1965; đơn vị tại ngũ H4, V15, F7, P2; hy sinh ngày 19-10-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 936<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Sắc: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ Đại đội 18, KB; hy sinh ngày 21-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 259<sup>b</sup> ngày 03-10-1972.

### Mẹ PHÍ THỊ SỬU



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đinh Văn Nghĩa: Sinh năm 1944; nhập ngũ ngày 12-1967; đơn vị tại ngũ D7, KB; hy sinh ngày 04-11-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 297<sup>b</sup> ngày 14-6-1973.  
2. Liệt sĩ Đinh Văn Quý: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 5-1971; đơn vị tại ngũ Đại đội 12, Tiểu đoàn 6, KT; hy sinh ngày 01-4-1972, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 187<sup>b</sup> ngày 29-6-1973.





### Mẹ LÊ THỊ TỶ



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2007  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Thanh Tùng: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ D 90, Bộ Tư lệnh pháo binh; hy sinh ngày 13-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 411<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Thế Song: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 02-1967; hy sinh ngày 14-10-1971, tại tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 289<sup>b</sup> ngày 27-9-1975.

### Mẹ PHẠM THỊ HÀNH



Năm sinh: 1921  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Minh Lưu: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 10-12-1967; đơn vị tại ngũ Đoàn 6A, tỉnh Long An; hy sinh ngày 27-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 823<sup>b</sup> ngày 22-01-1977.  
2. Liệt sĩ Lê Minh Chác: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 8-1971; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 6-KB; hy sinh ngày 05-7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NK 329<sup>b</sup> ngày 09-7-1974.

### Mẹ LÊ THỊ SỂ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1997  
Quê quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hạp: Sinh năm 1935; nhập ngũ ngày 7-1968; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 15-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 507<sup>b</sup> ngày 03-4-1976.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghiêm: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 01-1961; đơn vị tại ngũ Cục hậu cần Quân đoàn 4; hy sinh ngày 25-12-1985, tại phía Bắc, Quân đoàn 4; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 176<sup>bt</sup>.





## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ LIÊN NGHĨA

### Mẹ ĐỖ THỊ SỰ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 2000  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Thay: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1964; hy sinh tháng 8-1964, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PN 28<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Cay: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1966; hy sinh tháng 2-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 87<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ THỤC



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1980  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Bụi: Sinh năm 1949; hy sinh tháng 6-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 80<sup>b</sup>.

### Mẹ LƯƠNG THỊ LUÔNG



Năm sinh: 1926; năm từ trần: \*  
Quê quán: huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thanh Hải: Sinh năm 1958; hy sinh ngày 20-4-1973, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 614<sup>b</sup>.





### Mẹ LÝ THỊ NGHI



Năm sinh: 1923; năm tử trần: 20-2-2013  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \* năm 1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lý Văn Hưng: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 14-7-1972, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 548<sup>b</sup>.

### Mẹ LÝ THỊ THÚY



Năm sinh: 1900; năm tử trần: 1983  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lý Ngọc Như: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 04-7-1967, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số GJ 524b.  
2. Liệt sĩ Lý Văn Nhự: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 27-7-1967, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số 9V 987<sup>b</sup>.

### Mẹ VŨ THỊ SẤU



Năm sinh: 1907; năm tử trần: 1988  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Thường: Sinh năm 1906; đơn vị tại ngũ xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 19-7-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 902<sup>k</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Nguyễn Huy Tình: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 2-1959; hy sinh ngày 07-9-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 874<sup>b</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ THOÀ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 2008  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Dương Văn Tý: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 10-10-1971, tại Phù Mỹ, Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 588<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Dương Văn Tảo: Sinh năm 1930; hy sinh tháng 4-1962, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 583<sup>b</sup>/CL.

### Mẹ HOÀNG THỊ LÃNG



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1967  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Quýnh: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1965; hy sinh tháng 7-1969, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 199<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Thiều: Sinh năm 1950; hy sinh tháng 8-1966, tại Quảng Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số AM 212<sup>c</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ TỊNH



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Ngọc Báu: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 12-1967; hy sinh tháng 2-1969, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 064<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Thuyên: Sinh năm 1950; hy sinh tháng 6-1963, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 654<sup>b</sup>.





### Mẹ VŨ THỊ TÈO



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2014  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Nhung: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh tháng 8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 442<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Mãng: Sinh năm 1949; hy sinh tháng 2-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 336<sup>b</sup>/CL.

### Mẹ NGUYỄN THỊ BẢY



Năm sinh: 1886; năm từ trần: 1937  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lý Văn Tăng: Sinh năm 1921; hy sinh tháng 4-1947, tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 161<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Lý Văn Sách: Sinh năm 1930; hy sinh tháng 6-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số LC 604<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ NHẪN



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1970  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Ấm: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1966; hy sinh tháng 4-1968, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 099<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Nhâm: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 25-5-1964, tại Năm Căn, Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 421<sup>bm</sup>/CL.





### Mẹ VŨ THỊ KHANG



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 3-2-2010  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Chồng là liệt sĩ Lý Văn Hỷ: Sinh năm 1913; hy sinh năm 1948, tại Đông Tảo, Khoái Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số XB 846<sup>c</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Lý Văn Hý: Hy sinh ngày 04-3-1953, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 003<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ NGẦN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1991  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ứng: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 17-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 737<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Rùng: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 19-8-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 141<sup>b</sup>.

### Mẹ NGHIÊM THỊ TỈNH



Năm sinh: 1916; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Lý Anh Việt: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 27-7-1972, tại Sông Bé; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 320<sup>b</sup>.





## Mẹ VŨ THỊ THỤC



Năm sinh: 1901; năm tử trần: 1972  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lưu Văn Dung: Sinh năm 1944; nhập ngũ ngày 14-9-1965; hy sinh ngày 09-12-1967, tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số LM 560<sup>b</sup> ngày 31-12-1968.

## Mẹ NGUYỄN THỊ HUỆ



Năm sinh: 1909; năm tử trần: 1984  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Xuân: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1960; hy sinh tháng 10-1968, tại Mặt trận phía Nam, Tổ quốc ghi công số VB 785<sup>b</sup> ngày 3-4-1977.

## Mẹ LÊ THỊ LỪNG



Năm sinh 1910; năm tử trần: 1966  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Sửu: Sinh năm 1917; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 16-5-1947, tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 664<sup>c</sup>/CL ngày 01-6-1959.





### Mẹ LÊ THỊ PHÈN



Năm sinh 1911; năm từ trần: 10-12  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Bô: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 01-01-1949, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 949<sup>k</sup>/CL ngày 19-12-1962.

### Mẹ ĐỖ THỊ DOANH



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1973  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Trọng Bàn: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 17-6-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 434<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ BẢO



Năm sinh 1909; năm từ trần: 9-9  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Căn: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1952; hy sinh tháng 3-1953, tại xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 200<sup>b</sup> ngày 19-12-1962.





### Mẹ TRƯƠNG THỊ HỖ



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1958  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thành Quyển: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 7-1965; hy sinh ngày 20-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 195<sup>b</sup> ngày 12-6-1973.

### Mẹ NGUYỄN THỊ AN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1981  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Luận: Sinh năm 1910; nhập ngũ năm 1948; hy sinh ngày 12-9-1953, tại xã Tân Tiến, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 681<sup>op</sup> ngày 22-11-1984.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đính: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 8-1945; hy sinh ngày 20-10-1948, tại Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số SQ 2201<sup>b</sup> ngày 22-11-1984.  
3. Liệt sĩ Nguyễn Thị Cừ: Sinh năm 1933; nhập ngũ năm 1950; hy sinh ngày 12-9-1953, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 606<sup>kp</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ ĐOÀI



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1948  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Trợ: Sinh năm 1913; nhập ngũ năm 1944; hy sinh tháng 8-1948 tại xã Mỹ Sở huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 629<sup>kp</sup> ngày 22-11-1994.





### Mẹ NGUYỄN THỊ CHI



Năm sinh: 1905; năm từ trần: \*

Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 476 QĐ/CTN ngày 25-12-2000.

Có 3 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hy: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1951; hy sinh tháng 11-1953, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 522<sup>k</sup>/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thạch: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 9-1967; hy sinh tháng 9-1967, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 690<sup>b</sup>.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiến: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 01 -1965; hy sinh ngày 24 -12-1967, tại miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 354<sup>b</sup>.

### Mẹ ĐỖ THỊ VỊNH



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1976

Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 516 QĐ/CTN ngày 12-8-2004. Có 3 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đào Tiềm: Sinh năm 1911; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 7-12-1947, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 586<sup>k</sup> ngày 17-3-2003.
2. Liệt sĩ Đào Tiềm: Sinh năm 1914; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 7-12-1947, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 587<sup>k</sup> ngày 17-3-2003.
3. Liệt sĩ Đào Yên: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 07-12-1947, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 588<sup>b</sup> ngày 17-3-2003.

### Mẹ NGÔ THỊ TÔN



Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1946

Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Lộc: Sinh năm 1915; hy sinh tháng 01-1948, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐC 284<sup>k</sup> ngày 18-01-1975.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Lợi: Sinh năm 1914; nhập ngũ năm 1944; hy sinh ngày 17-3-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 622<sup>kp</sup> ngày 22-11-1997.





### Mẹ ĐÀO THỊ TÝ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 14-2-1986  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đào Văn Xế: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1962; hy sinh ngày 15-7-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 943<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Đào Văn Cống: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 8-1964; hy sinh ngày 03-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 596<sup>b</sup>/CL.

### Mẹ PHẠM THỊ HIỆT



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1997  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Ngô Văn Sảo: Sinh năm 1924; hy sinh năm 1955, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4626<sup>b</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Ngô Văn Chung: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1969; hy sinh ngày 15-7-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QM 930<sup>c</sup>.

### Mẹ ĐỖ THỊ ĐOÀN



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 2002  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Thành Nhiên: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 3-1963; hy sinh ngày 18-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 606<sup>b</sup> ngày 20-6-1969.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bình: Sinh năm 1954; nhập ngũ ngày 19-12-1972; hy sinh ngày 01-3-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 837<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.





### Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2003  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 2-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Thanh Hồng: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 25-4-1968, tại phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 246<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Thành Lạc: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 22- 4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 118<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ NHÀN



Năm sinh: 1915; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Tư: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1970; hy sinh ngày 28-12-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LK 849<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ THẢO



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 2000  
Quê quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Thành Lâm: Sinh năm 1909; hy sinh tháng 7-1954, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Thành Văn: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 21-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VK 107<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Thành Cư: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1963; hy sinh ngày 11- 02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LM 556<sup>b</sup>.





## Mẹ NGUYỄN THỊ CANH



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1947  
Quê quán: Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Lân: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 8-1968; hy sinh ngày 01-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RB 056<sup>b</sup> ngày 23-7-1976.

## Mẹ NGUYỄN THỊ TÌNH



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Vấn: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 4-1952; hy sinh ngày 01-3-1954, tại Thị xã Sơn Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 088<sup>b</sup> ngày 15-6-1960.  
2. Liệt sĩ Vũ Đình Tụng: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 04-1963; hy sinh ngày 22-7-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 571<sup>b</sup> ngày 01-9-1975.  
3. Liệt sĩ Vũ Hồng Hiến: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 02-1959; hy sinh ngày 20-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 541<sup>b</sup> ngày 01-9-1973.

## Mẹ TRẦN THỊ BÉ



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Hợp: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 24, KB/MT; hy sinh ngày 04-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 532<sup>bm</sup>/CL.





### Mẹ ĐỖ THỊ KHÁCH



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1987  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Đình Bàn: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 5-1965; hy sinh ngày 10-5-1972, tại thành phố Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số HM 832<sup>c</sup> ngày 5-10-1972.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Quỳnh: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 14-4-1972, tại thành phố Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số HM 965<sup>c</sup> ngày 04-11-1972.  
3. Liệt sĩ Trần Văn Tấu: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 27-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 020<sup>b</sup> ngày 23-7-1976.

### Mẹ NGUYỄN THỊ BÚNG



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Duy Nguyễn: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 17-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BS 321<sup>b</sup> ngày 06-8-1976..

### Mẹ VŨ THỊ NGUYỄN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1975  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Đón: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh ngày 24-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 817<sup>bm</sup>/CL ngày 08-10-1971.





### Mẹ TRẦN THỊ BẮT



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1970  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Thụ: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 10-1966; hy sinh ngày 12-02-1967, tại tỉnh Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 409<sup>b</sup>/CL ngày 14-6-1973.

### Mẹ CHU THỊ TỈNH



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1948  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 70-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quốc Thuật: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 17-7-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 140<sup>b</sup> ngày 19-01-1974.

### Mẹ NGUYỄN THỊ QUÝ



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 2000  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 677 KT/CTN ngày 25-12-2000.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Dán: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 01-3-1949, tại Bờ sông Phú Thị, Mỹ Sở; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 647<sup>kp</sup> ngày 01-6-1954.





### Mẹ TRẦN THỊ ẨM



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Sước: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 2-1952, tại C32, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 3-4-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HC 110<sup>b</sup> ngày 4-6-1972.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Tước: Sinh năm 1919; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 25-6-1948, tại Phú Trạch, Mỹ Sở; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ 171<sup>kp</sup> ngày 29-8-2001.

### Mẹ ĐỖ THỊ NHUNG



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1986  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Thuyền: Nhập ngũ tháng 12-1946; hy sinh ngày 8-4-1948, tại Đồn Thiết Trụ; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 181<sup>b</sup> ngày 22-10-1997.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Thùy: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 6-1966; hy sinh ngày 15-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 156<sup>b</sup> ngày 23-7-1976.

### Mẹ NGUYỄN THỊ YÊN



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 2005  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Duy: Sinh năm 1898; hy sinh năm 1947, tại Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐP 402<sup>kp</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Nguyễn Văn Thân: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 22-9-1949, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số YC 201<sup>b</sup> ngày 23-4-1957.





### Mẹ TẠ THỊ NGUYÊN



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 2002  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Ngọc Oanh: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 09-4-1952, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 171<sup>bp</sup> ngày 19-12-1962.  
2. Liệt sĩ Đỗ Chiến Khởi: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1965; hy sinh ngày 09-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 572<sup>b</sup> ngày 01-9-1973.

### Mẹ NGUYỄN THỊ CHOỆT



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1994  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Thà: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 30-9-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OI 519<sup>b</sup> ngày 19-12-1974.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mùi: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1971; hy sinh ngày 12-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LD 988<sup>b</sup> ngày 25-4-1974.

### Mẹ TRẦN THỊ HẠ



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1941  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Cao Văn Tôn: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 01-11-1953, tại Đồn Thiết Trụ; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 646<sup>kp</sup> ngày 15-6-1960.  
2. Liệt sĩ Cao Ngọc Chi: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 31-1-1968, tại tỉnh Bình Thuận; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 695<sup>b</sup> ngày 20-2-1974.





### Mẹ NGUYỄN THỊ KỲ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1999  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 2-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Quốc: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 2-1965; hy sinh ngày 18-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OE 809<sup>b</sup> ngày 17-12-1974.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Dũng: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1965; hy sinh ngày 20-7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 30<sup>b</sup> ngày 3-2-1974.

### Mẹ NGUYỄN THỊ KHẾ



Năm sinh: 1926; năm từ trần: 2014  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 2-4-2014  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Đàng: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1970; hy sinh ngày 13-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 917<sup>b</sup> ngày 1-12-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ấp: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 12-1971; hy sinh ngày 15-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 895<sup>b</sup> ngày 16-4-1974.

### Mẹ ĐỖ THỊ VÁCH



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1978  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Tước: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 11-1946; hy sinh ngày 2-6-1952, tại thôn Phú Trạch, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 930<sup>k</sup> ngày 19-12-1962.  
2. Liệt sĩ Vũ Văn Hứa: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 10-1948; hy sinh ngày 21-11-1950, tại Đồn Thiết Trụ; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 929<sup>k</sup> ngày 19-12-1962.





### Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1958  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Tuân: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 14-2-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HP 668<sup>b</sup> ngày 15-12-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Sứ: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 4-1947; hy sinh tháng 10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 919<sup>k</sup> ngày 19-12-1962.

### Mẹ NGUYỄN THỊ CỎN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1998  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trương Văn Ngân: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1966; hy sinh ngày 10-6-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 294<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Trương Văn Túc: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 02-10-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 403<sup>b</sup> ngày 05-4-1977.

### Mẹ VŨ THỊ ĐẠC



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1956  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Dũng: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 1-1952; hy sinh ngày 20-3-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số AX 058<sup>b</sup> ngày 15-6-1960.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Khiết: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 3-1967; hy sinh ngày 10-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 571<sup>b</sup> ngày 01-9-1975.





## Mẹ HÀ THỊ NHẬN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2595/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Việt Tiến: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 7-1967, tại E102, F308; hy sinh ngày 17-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 352<sup>b</sup> ngày 4-6-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Tuyến: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 1-1961; hy sinh ngày 15-2-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9Z 679<sup>bm</sup> ngày 17-12-1980.

## Mẹ TRẦN THỊ PHÚ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2009  
Quê quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2595/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Sâm: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 8-1964, tại C1, D1, E229, Bộ Tư lệnh Công binh; hy sinh ngày 5-7-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 615<sup>b</sup> ngày 18-8-1971.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đông Tứ: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1969, tại C5, D19, Quảng Đà; hy sinh ngày 01-5-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 767<sup>b</sup> ngày 14-11-1977.







## Mẹ QUẢN THỊ MỸ



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Quản Lự: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 3-10-1951, tại tỉnh Thái Nguyên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 704<sup>c</sup> ngày 01-6-1959.

## Mẹ NGUYỄN THỊ NỘI



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 2002  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trịnh Trung Hòa: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1962; hy sinh ngày 02-7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 697<sup>b</sup> ngày 07-5-1974.  
2. Liệt sĩ Trịnh Văn Bình: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 07-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NĐ 523<sup>b</sup>.  
3. Liệt sĩ Trịnh Văn Nhuận: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 3-1952; đơn vị tại ngũ Đại đội 115, tiểu đoàn 798; hy sinh ngày 06-01-1954, tại tỉnh Savanakhet, Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4618<sup>b</sup>.

## Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Sỹ Cảo: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ bộ đội tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 04-4-1954, tại xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1691<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.





### Mẹ CAO THỊ TÝ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1996  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 552 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Đình Cư: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 6-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 98<sup>b</sup> ngày 14-6-1973.

### Mẹ QUẢN THỊ SÁO



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Con độc nhất là liệt sĩ Tô Xuân Thỏa: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 2, K99, KT; hy sinh ngày 10-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 555<sup>b</sup>.

### Mẹ LÊ THỊ CHÚNG



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1981  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Văn La: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 8-1967; đơn vị tại ngũ đi B; hy sinh ngày 12-3-1969, tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số CB 586<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Lê Thanh Sơn: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 9-3-1998, tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐU 608<sup>vn</sup>.  
3. Liệt sĩ Lê Xuân Thành: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ Quân khu 3; hy sinh ngày 6-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SR 131<sup>b</sup> ngày 23-7-1976.





### Mẹ QUẢN THỊ TIÊU



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1958  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lã Văn Lễ: Sinh năm 1934; hy sinh ngày 13-6-1969, tại Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 058<sup>b</sup>/CL ngày 23-7-1976.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Tê: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 10-12-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 210<sup>b</sup>/CL ngày 01-4-1977.

### Mẹ ĐÀO THỊ NĂNG



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1967  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Phó: Sinh năm 1927; đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh ngày 30-12-1949, tại xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XĐ 871/CL ngày 02-11-1959.  
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Mộc: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 20-8-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1653/CL ngày 01-6-1959.

### Mẹ PHAN THỊ CẨM



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1983  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ An Xuân Trình: Sinh năm 1942; nhập ngũ ngày 14-9-1965; đơn vị tại ngũ Đại đội 5, Trung đoàn 675; hy sinh ngày 22-7-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 515<sup>b</sup>/CL ngày 18-3-1975.  
2. Liệt sĩ An Văn Hiệu: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ PG; hy sinh ngày 15-02-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PK 889<sup>bm</sup> ngày 15-7-1976.





### Mẹ QUẢN THỊ PHƯỚC



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2010  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Hoàng Đình Hòa: Sinh năm 1945; nhập ngũ ngày 25-4-1966; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 7-5-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 309<sup>bm</sup>/CL ngày 01-4-1977.  
2. Liệt sĩ Hoàng Đình Hợp: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 01-7-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 714<sup>b</sup>/CL ngày 07-5-1974.

### Mẹ CAO THỊ TẦN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1999  
Quê quán: Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Văn Ty: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ 1360 P3; hy sinh tháng 9 -1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 350<sup>b</sup> ngày 3-7-1976.  
2. Liệt sĩ Vũ Văn Công: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 9-1971, đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn bộ 7, Trung đoàn 66, Sư đoàn 304; hy sinh ngày 28-9-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 994<sup>b</sup> ngày 03-9-1976.

### Mẹ PHAN THỊ TƯỜNG



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2008  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Tiến: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 14-2-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 229<sup>b</sup> ngày 25-5-1974.  
2. Liệt sĩ Trần Mạnh Thắng: Đơn vị tại ngũ C8, D8, E209, F7; hy sinh ngày 16-5-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 278<sup>b</sup> ngày 25-5-1974.





### Mẹ ĐÀO THỊ BỘ



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đào Văn Tần: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 17-4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số NH 917<sup>b</sup>/CL ngày 15-8-1974.  
2. Liệt sĩ Đào Văn Sở: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ C14; hy sinh ngày 21-10-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 720<sup>b</sup>/CL ngày 13-4-1977.

### Mẹ NGUYỄN THỊ NIỆM



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2004  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đào Viên Thiệu: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1962; đơn vị tại ngũ Trường sĩ quan lục quân Tây Bắc; hy sinh ngày 04-4-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số NA 342<sup>b</sup> ngày 16-02-1970.  
2. Liệt sĩ Đào Văn Đĩnh: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 05-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 941<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ BỒN



Năm sinh: 1926; năm từ trần: 1978  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Hai.  
Chồng là liệt sĩ Cao Văn: Sinh năm 1920; hy sinh tháng 11-1952, tại Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số B 831<sup>c</sup>/CL ngày 19-12-1962.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Cao Văn Quang: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1970; đơn vị tại ngũ K5; hy sinh ngày 25-02-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OT 744<sup>b</sup>/CL ngày 17-4-1975.





### Mẹ TRẦN THỊ LỰU



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2007  
Quê quán: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Đức Chiến: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 7 -1969; đơn vị tại ngũ D10, F2, Quân khu 5; hy sinh ngày 15-5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số RS 028<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.  
2. Liệt sĩ Lê Đức Hòa: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 12-1970; đơn vị tại ngũ Trường quân y Quân khu 3; hy sinh ngày 26-6-1972, tại Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số LP 593<sup>b</sup> ngày 25-5-1974.

### Mẹ LÊ THỊ CHỤC



Năm sinh: 1930  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Văn Chúc: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 12-1970; hy sinh ngày 01-12-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 261<sup>b</sup> ngày 28-12-1973.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Rô: Sinh năm 1955; hy sinh ngày 08-4-1980; Bằng Tổ quốc ghi công số I 244<sup>ct</sup> ngày 18-4-1983.

### Mẹ ĐÀO THỊ QUẢN



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1964  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Văn Hữu: Sinh ngày 15-10-1911; nhập ngũ năm 1944; hy sinh tháng 10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1442<sup>c</sup> ngày 02-11-1959.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Phái: Sinh năm 1917; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 27-12-1947, tại xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 559<sup>k</sup> ngày 04-5-1959.





### Mẹ NGÔ THỊ LÝ



Năm sinh: 1877; năm từ trần: 1952  
Quê quán: Xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Tô Chấn: Sinh năm 1904; hy sinh 1936; Bằng Tổ quốc ghi công số DY 110<sup>CP</sup> ngày 10-2-1996.  
2. Liệt sĩ Tô Hiệu: Sinh năm 1912; hy sinh ngày 07-3-1944, tại Nhà ngục Sơn La; Bằng Tổ quốc ghi công số DY 109<sup>CP</sup> ngày 10-2-1996.

### Mẹ NGUYỄN THỊ NGÃM



Năm sinh: 18-7-1912; năm từ trần: 13-12-1982  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Hoài Đức: Sinh năm 1943; đơn vị tại ngũ C18, KB; hy sinh ngày 04-10-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 179<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Minh Tân: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 21-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 310<sup>b</sup> ngày 11-9-2008.

### Mẹ LÊ THỊ NGẠCH



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1961  
Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngẩn: Sinh năm 1913; nhập ngũ năm 1949, cán bộ tuyên truyền huyện Văn Giang; hy sinh ngày 30-3-1951, tại huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 669<sup>c</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Chính: Hy sinh ngày 23-11-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 971<sup>BP</sup> ngày 01-6-1959.





## Mẹ LÊ THỊ NHẤT



Năm sinh: 1902; năm tử trần: \*

Quê quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tô Văn Thành: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 23-9-1953, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 906<sup>b</sup> ngày 04-5-1959.

2. Liệt sĩ Tô Hữu Trí: Sinh ngày 21-3-1935; hy sinh ngày 22-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OT 810<sup>b</sup> ngày 17-4-1975.







## Mẹ LÊ THỊ HINH



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Toàn: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ CT3, TB; hy sinh ngày 18-5-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số DB 883<sup>b</sup> ngày 20-11-1974.

## Mẹ TRƯƠNG THỊ BỈ



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1990  
Quê quán: Bến Đục, Hà Sơn Bình  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Đốc: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ F75-KB; hy sinh ngày 06-02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 171<sup>b</sup> ngày 14-6-1973.

## Mẹ PHẠM THỊ GIÁ



Năm sinh 1888; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 QĐ/CTN ngày 27-8-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Đạm: Sinh năm 1911; nhập ngũ tháng 3-1945; hy sinh tháng 4-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 905<sup>c</sup> ngày 11-5-1974.

*Chưa xác minh được thông tin \**





### Mẹ NGÔ THỊ TRỤY



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1946  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 QĐ/CTN ngày 27-8-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Thiện Chũ: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 12-1946; hy sinh ngày 13-1-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 103<sup>b</sup> ngày 21-4-1954.

### Mẹ NGUYỄN THỊ ÂU



Năm sinh: 1905; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 / QĐ-CTN ngày 27-8-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Thấu: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 8-1965; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh B3; hy sinh ngày 17-8-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 123<sup>b</sup> ngày 25-7-1976.

### Mẹ TRƯỜNG THỊ TRÍCH



Năm sinh: 1909; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 QĐ/CTN ngày 27-8-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lý Xuân Thùy: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ C1, D2, E3, P1; hy sinh ngày 27-8-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số RP 157<sup>b</sup> ngày 23-8-1976.





### Mẹ NGUYỄN THỊ HẠC



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1947  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 QĐ/CTN ngày 27-8-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Chủ Văn Mấn: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ Quân khu Tây Bắc; hy sinh ngày 04-02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số LM 559<sup>b</sup> ngày 31-12-1968.

### Mẹ MAI THỊ LỰU



Năm sinh: 1905; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 QĐ/CTN ngày 7-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Tường: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 02-1944; đơn vị tại ngũ Ủy ban kháng chiến huyện Văn Giang; hy sinh ngày 26-6-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 500<sup>op</sup> ngày 09-7-1996.

### Mẹ ĐỖ THỊ BÓN



Năm sinh: 1923  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trương Công Biểu: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 3-1968; đơn vị tại ngũ D4, Quân khu Tây Bắc; hy sinh ngày 24-10-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số EZ 436<sup>b</sup> ngày 05-4-1973.  
2. Liệt sĩ Trương Văn Ban: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 4-1970; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 27-5-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 246<sup>b</sup> ngày 02-7-1973.





## Mẹ PHẠM THỊ TÍCH



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1974

Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Chồng là liệt sĩ Phạm Khắc Năng (tức Lộc): Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 12-1948; đơn vị tại ngũ Tiểu đội Hưng Yên; hy sinh ngày 27-12-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1202<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.

Có 1 con là liệt sĩ:

Liệt sĩ Phạm Văn Minh: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ C2, E1; hy sinh ngày 27-8-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số LD 270<sup>b</sup> ngày 4-8-1969.







## Mẹ NGUYỄN THỊ NHỖ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2000  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Xuân Nhàng: Sinh năm 1944; hy sinh ngày 25-2-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 310<sup>b</sup>.

## Mẹ LÊ THỊ PHƯƠNG



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2011  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Xuân Thu: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 17-3-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 410<sup>b</sup>.

## Mẹ NGUYỄN THỊ LONG



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 514 QĐ/CTN ngày 12-8-2004.  
Có 3 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thôn: Sinh năm 1920; hy sinh năm 1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 343<sup>k</sup> ngày 28-9-2001.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Thị Xã: Sinh năm 1931; hy sinh ngày 1-9-1954, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 610<sup>k</sup> ngày 1-6-1959.  
3. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Hân: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 22-5-1967, tại Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số OĐ 202<sup>b</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỐI



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1978  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đoàn Văn Tư: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 2-1965, tại Tiểu đoàn bộ, tiểu đoàn 14, đường 9 Nam Lào; hy sinh ngày 26-7-1970, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 290<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Khôi: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1951, tại C20, tỉnh Hải Dương; hy sinh ngày 15-2-1954, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 197<sup>b</sup>/CL.

### Mẹ NGUYỄN THỊ LƯỢT



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 26-3-1971  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đàm Xuân Vị: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 13-3-1971, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 925<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Đàm Phúc Điệt: Sinh năm 1944; hy sinh năm 1971, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 16<sup>b</sup>/CL.

### Mẹ NGUYỄN THỊ KÊ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1994  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hà: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 01-4-1954, tại Đồi A1, Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 184<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đệ: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1963; hy sinh năm 1967, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 864<sup>b</sup>/CL.





### Mẹ ĐÀM THỊ CẬT



Năm sinh: 1914; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Phan Đình Vũ: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 14-6-1969, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 832<sup>b</sup>/CL.  
2. Liệt sĩ Phan Văn Hồng: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 13-7-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 431<sup>b</sup>/CL.

### Mẹ HOÀNG THỊ ĐỨC



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1994  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Phó Đức Mộc: Sinh năm 1915; hy sinh năm 1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 346<sup>kp</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Phó Đức Long: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 17-5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số OE 766<sup>b</sup>.

### Mẹ TRẦN THỊ THÌN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1-2-2013  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Quách Văn Chính: Sinh năm 1947; hy sinh năm 1966, tại Cầu Vành, tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 905<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Quách Xuân Biếu: Sinh năm 1949; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 529<sup>b</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ HỢI



Năm sinh: 1918; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Hoàng Văn Lự: Sinh năm 1918; hy sinh ngày 07-7-1948, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 330<sup>kb</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Hoàng Văn Lê: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 04-1-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 917<sup>b</sup>.

### Mẹ PHÓ THỊ TÝ



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1982  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chu Văn Định: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 31-3-1968, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 706<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Chu Văn Ba: Sinh năm 1951; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 11<sup>b</sup>.

### Mẹ LÊ THỊ QUYÊN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 15-12-1984  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Xuân Ngọt: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1962, tại C8, Quân đoàn 4, tử nạn Tây Bắc; hy sinh ngày 11-1-1966, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 901<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Lê Xuân Dương: Sinh năm 1946; nhập ngũ ngày 28-8-1965; hy sinh ngày 08-10-1968, tại Miền Tây Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 375<sup>b</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ KIM



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Vận: Sinh năm 1920; hy sinh năm 1953, tại xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 822<sup>c</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Nguyễn Văn Hanh: Sinh năm 1940; hy sinh năm 1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 820<sup>b</sup>.

### Mẹ ĐOÀN THỊ HUẤN



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2013  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Văn Quyền: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 2-1965; hy sinh ngày 07-4-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 196<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Lượng: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1966; hy sinh ngày 29-8-1966, tại Yên Mô, Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 906<sup>b</sup>.

### Mẹ VŨ THỊ PHÒNG



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2012  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Xuân Thường: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1967; hy sinh năm 1968, tại Khe Sanh; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 652<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Thao: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 09-4-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số HP 711<sup>b</sup>.





### Mẹ PHAN THỊ GẤM



Năm sinh: 1928; năm từ trần: 2015  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đoàn: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1968, tại Bộ Tư lệnh Hải quân; hy sinh ngày 15-12-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 137<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghĩa: Sinh năm 1954; hy sinh năm 1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QL 51<sup>b</sup>.

### Mẹ LÊ THỊ DOANH



Năm sinh: 1931; năm từ trần: 1977  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tâm: Sinh năm 1956; hy sinh ngày 14-3-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PS 13<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hoạt: Sinh năm 1962; hy sinh ngày 26-2-1985; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 960<sup>b</sup>.

### Mẹ VŨ THỊ SANG



Năm sinh: \*; năm từ trần: 1997  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Huy: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 23-2-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 271<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tâm: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 13-11-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số HK 256<sup>b</sup>.





### Mẹ TRỊNH THỊ BÉ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1974  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Văn Biểu: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 09-1-1966, tại Đông Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 39<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Lê Hồng Tư: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 31-5-1974, tại tỉnh Bình Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 768<sup>b</sup>.

### Mẹ HOÀNG THỊ VẤN



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1980  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Thị Thìn: Sinh năm 1924; hy sinh tháng 11-1941, tại Sông Lô; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4641<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vượng: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 29-10-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VK 217<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ PHỆO



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phương: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 09-12-1970, tại Miền Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 155<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Huy Hoàng: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 20-7-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 403<sup>b</sup>.





### Mẹ TRẦN THỊ KIẾN



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 3-1984  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Chồng là liệt sĩ Vũ Văn Ký: Sinh năm 1890; hy sinh ngày 25-3-1948, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 350<sup>kp</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Vũ Văn Ký: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 25-3-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 349<sup>kp</sup>.

### Mẹ CHU THỊ LÝ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1954  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chu Văn Liên: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 27-7-1948, tại Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số KE 327<sup>kp</sup>.  
2. Liệt sĩ Chu Văn Hà: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 09-12-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 949<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ NHẠ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 30-3-1993  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chu Quốc Loán: Sinh năm 1942; hy sinh ngày 16-8-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 283<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Chu Quốc Duyên: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 25-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 159<sup>b</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ LÁC



Năm sinh: 1915  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 253/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.  
Chồng là liệt sĩ Đỗ Văn Huyếch: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 02-12-1949, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 326<sup>kp</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Trần Văn Giang: Sinh năm 1954; hy sinh ngày 28-1-1973, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 192<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ LỘC



Năm sinh: 1914; năm tù trần: 1973  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Xuân Hiển: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 31-8-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 427<sup>b</sup>.

### Mẹ ĐOÀN THỊ ỎN



Năm sinh: 1910; năm tù trần: \*  
Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Hồng Phi: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 17-4-1969, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 338<sup>b</sup>.





## Mẹ CHU THỊ PHẤN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1952

Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*

Con độc nhất là liệt sĩ Đàm Văn Roi: Sinh năm 1942; hy sinh tháng 4-1972, tại Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số OZ 124<sup>b</sup>.







## Mẹ NGUYỄN THỊ NHẠ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2008  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số QĐ 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Hưng: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 28-7-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NY 030<sup>b</sup> ngày 09-9-1974.

## Mẹ BÙI THỊ NHỖ



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1962  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định QĐ 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Mông: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 8-1945; đơn vị tại ngũ Phó Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương; hy sinh ngày 28-02-1949, tại xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1465<sup>c</sup> ngày 02-11-1959.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Doanh: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ Đoàn 24 pháo binh; hy sinh ngày 13-02-1968, tại quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định; Bằng Tổ quốc ghi công số PK 847<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.

## Mẹ THIỀU THỊ DẬU



Năm sinh: 1926; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Đình Lùng: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 8-1969; hy sinh ngày 19-9-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số OE 768<sup>b</sup> ngày 17-12-1974.





### Mẹ NGUYỄN THỊ DÙM



Năm sinh: 1880; năm từ trần: 1947  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hữu: Sinh năm 1905; nhập ngũ tháng 9-1945; hy sinh ngày 24-12-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 370<sup>k</sup> ngày 4-5-1972.

### Mẹ BÙI THỊ ĐÍNH



Năm sinh: 1894; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Suối (tức Đồi): Sinh năm 1910; nhập ngũ năm 1946; hy sinh ngày 08-11-1948, tại Thiết Trụ, Đa Hòa; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 356<sup>k</sup> ngày 4-5-1972.

### Mẹ ĐÀO THỊ BẦU



Năm sinh: 1902 ; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Văn Tiêm: Sinh năm 1920; đơn vị tại ngũ công an huyện Văn Giang; hy sinh ngày 23-3-1949, tại xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 206<sup>b</sup> ngày 19-12-1962.





### Mẹ NGUYỄN THỊ MÀ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1953  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Ngô: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 8-1945; đơn vị tại ngũ Huyện đội Văn Giang; hy sinh ngày 28-11-1949, tại huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 547<sup>k</sup> ngày 4-5-1959.

### Mẹ THIỀU THỊ BÊN



Năm sinh 1903; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Thiều Quang Đang: Sinh năm 1935; nhập ngũ ngày 10-12-1967; đơn vị tại ngũ D308, P2; hy sinh ngày 15-5-1971, tại tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 281<sup>b</sup> ngày 19-01-1977.

### Mẹ LÊ THỊ VẦN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Hiền: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh tháng 4-1970, tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 842<sup>b</sup> ngày 30-12-1970.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Tiến Bình: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 01-9-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 838<sup>b</sup> ngày 15-7-1976.





### Mẹ NGUYỄN THỊ CƠN



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1979  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Trần Văn Trúng: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Công an xã Thắng Lợi; hy sinh ngày 13-8-1948, tại Bốt Thiết Trụ, xã Bình Minh, huyện Khoái Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số SC 852<sup>c</sup> ngày 26-3-1979.  
2. Liệt sĩ Trần Văn Trúng: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 13-8-1948, tại Bốt Thiết Trụ, xã Bình Minh, huyện Khoái Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số số 1TC 340<sup>b</sup> ngày 26-3-1979.

### Mẹ NGUYỄN THỊ THÌN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1966  
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chủ Văn Lực: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 20-02-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 201<sup>bp</sup>/CL ngày 19-12-1962.  
2. Liệt sĩ Đặng Văn Tân: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 7-9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 500<sup>b</sup> ngày 25-4-1974.

### Mẹ BÙI THỊ XUÂN



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1961  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mông: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 8-1945; đơn vị tại ngũ Phó Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương; hy sinh ngày 28-02-1949, tại xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1465<sup>c</sup> ngày 02-11-1959.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Xiêm: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1943; hy sinh ngày 13-8-1948, tại xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 621<sup>kp</sup> .





## Mẹ VŨ THỊ HIÊN



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 06-9-1979  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số\*  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Châm: Sinh năm 1934; nhập ngũ 6-1952; hy sinh ngày 03-7-1953, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 941<sup>b</sup>

## Mẹ HOÀNG THỊ GIANG



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1945  
Quê quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cau: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 5-1959; hy sinh ngày 19-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BV 938<sup>b</sup> ngày 20-5-1972.



*Chưa xác minh được thông tin \**





## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ VĨNH KHÚC

### Mẹ CHU THỊ CỬ



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Đốp: Sinh năm 1928; hy sinh tháng 3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 913<sup>k</sup> ngày 19-12-1960.

### Mẹ TRẦN THỊ XUÂN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1986  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Thọ: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 08-01-1973, tại cầu Hàm Rồng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số NM 257<sup>cm</sup>/CL ngày 19-12-2015.

### Mẹ CHU THỊ NHỎ



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2003  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 QĐ/CTN ngày 27-8-1995.  
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Văn Vụ: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1966; đơn vị tại ngũ Đoàn văn công biên giới; hy sinh ngày 16-9-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LD 957<sup>b</sup> ngày 29-10-1966.





### Mẹ PHẠM THỊ KHUÊ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1943  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Trung Tá: Sinh ngày 25-10-1931; nhập ngũ tháng 7-1950; đơn vị tại ngũ chiến sĩ liên lạc cho Ban Bí thư Tổng cục Chính trị; hy sinh ngày 10-5-1972, tại Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 486° ngày 07-5-1973.

### Mẹ TRẦN THỊ KÍN



Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1950  
Quê quán: Tỉnh Nam Định  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệu: Sinh năm 1914; hy sinh ngày 15-01-1953, tại xã Tân Tiến, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 821° ngày 01-6-1959.

### Mẹ ĐINH THỊ THI



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1966  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Hiến: Sinh năm 1915; hy sinh ngày 26-12-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 906<sup>k</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ BÈ



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1961  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Mạnh Yển: Sinh năm 1921; đơn vị tại ngũ Tiểu đội Bắc Ninh; hy sinh ngày 26-12-1946, tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4856<sup>b</sup>/CL ngày 01-10-1959.

### Mẹ TRẦN THỊ NHÂM



Năm sinh: 1900; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 7-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Như: Sinh năm 1926; đơn vị tại ngũ du kích xã Vĩnh Khúc; hy sinh ngày 01-4-1954, tại xã Vĩnh Khúc.

### Mẹ NGUYỄN THỊ HUỆ



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1990  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hàm: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 05-3-1967, tại Mặt trận phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 612<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Luân: Sinh năm 1944; hy sinh năm 1968, tại hạ Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số NY 921<sup>b</sup>.





### Mẹ CHU THỊ CHỈ



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 5-1-2015  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đỗ Minh Xương: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1967; hy sinh năm 1968; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 785<sup>b</sup>.  
2. Liệt sĩ Đỗ Mạnh Khúc: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1966; hy sinh năm 1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NO 834<sup>b</sup>.

### Mẹ LƯƠNG THỊ BÁT



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1998  
Quê quán: Nhân Lý, Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Vũ Huyền Nam: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 21- 3-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 921<sup>b</sup> ngày 13-4-1977.  
2. Liệt sĩ Vũ Văn Bốn: Sinh năm 1960; nhập ngũ năm 1978; hy sinh ngày 17-02-1979; Bằng Tổ quốc ghi công số 2AB 181<sup>b</sup> ngày 28-7-1982.

### Mẹ NGUYỄN THỊ HỤI



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1963  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Chu Xuân Nhạc: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 12-1967; hy sinh ngày 08-10-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 349<sup>b</sup> ngày 5-4-1977.  
2. Liệt sĩ Chu Ngọc Yên: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 5-1971; hy sinh ngày 26-5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 054<sup>b</sup> ngày 29-6-1973.





### Mẹ LÊ THỊ ÚT



Năm sinh: 1912; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.  
Chồng là liệt sĩ Đặng Văn Chuyển: Sinh năm 1910; hy sinh tháng 01-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số XB 826<sup>b</sup>.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Đặng Văn Uyển: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 2-1948; hy sinh ngày 18-02-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 655<sup>b</sup> ngày 01-6-1959.

### Mẹ LƯU THỊ MẠNH



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1972  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Hoãn: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 10-1953; hy sinh ngày 11-4-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 912<sup>kp</sup>/CL.

### Mẹ TRẦN THỊ KHUY



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Phiếu: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 9-1947; hy sinh ngày 3-10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 870<sup>kq</sup>/CL.





### Mẹ ĐẶNG THỊ GIỮA

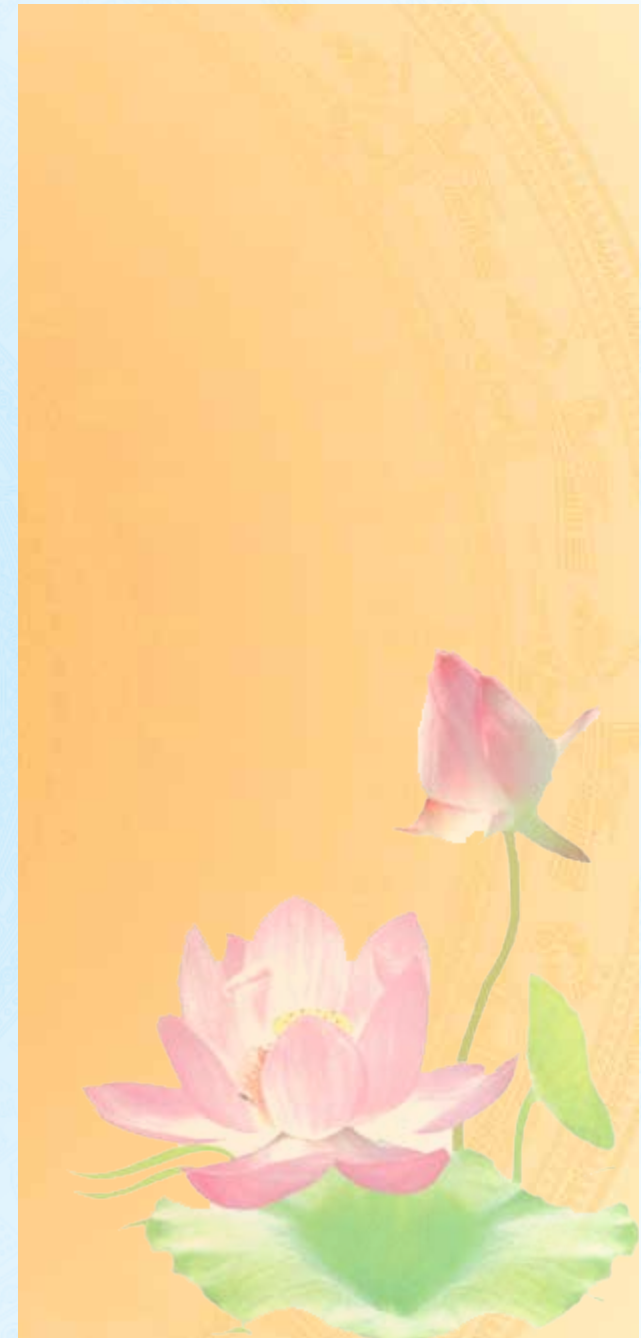


Năm sinh: 1905; năm từ trần: 8-1987  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Đình Thơm: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 7-1967; hy sinh ngày 01-4-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 566<sup>b</sup>.

### Mẹ ĐỖ THỊ CHI



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1992  
Quê quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số \*  
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Hồ: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 02-4-1945, tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 832<sup>k</sup>/CL ngày 02-11-1959.



*Chưa xác minh được thông tin \**





## BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ XUÂN QUAN

### Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1989  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phan Văn Phong: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 01-6-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 639<sup>b</sup> ngày 27-11-2008.

### Mẹ LÊ THỊ BÌNH



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 7-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Phan Ngọc Thu: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 17-10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐE 733<sup>kp</sup> ngày 13-1-1997.

### Mẹ PHAN THỊ HIỆP



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 7-11-1998.  
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Nghệ: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 22-10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐE 762<sup>kp</sup> ngày 13-1-1997.





### Mẹ PHAN THỊ THƯỜNG



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 KT/CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Đoàn: Hy sinh tháng 12-1946; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 203<sup>b</sup> ngày 19-12-1962.

### Mẹ PHAN THỊ THÀNH



Năm sinh: \*; năm từ trần: \*  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 KT/CTN ngày 17-12-2002.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Đình Thực: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 17-01-1954, tại xã Tiên Tiến, huyện Văn Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XM 950<sup>k</sup> ngày 19-12-1962.

### Mẹ LÊ THỊ THÁCH



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 2007  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 515 QĐ/CTN ngày 12-8-2004.  
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Hồng Quang: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 20-02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 565<sup>p</sup> ngày 24-6-1975.





### Mẹ LÊ THỊ TẤN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1981  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thạch: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 06-9-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 714<sup>b</sup> ngày 14-12-1976.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tướng: Sinh năm 1934; hy sinh ngày 11-8-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số RS 025<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ THÌN



Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1972  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đàm Thị Đào: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 29-3-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐE 719<sup>kp</sup> ngày 13-1-1997.  
2. Liệt sĩ Đàm Văn Lê: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 17-10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐE 763<sup>op</sup> ngày 13-01-1997.

### Mẹ NGUYỄN THỊ TY



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1985  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bình: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 04-10-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 078<sup>b</sup> ngày 14-6-1973.  
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đức: Sinh năm 1934; hy sinh ngày 16-11-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 311<sup>b</sup>.





### Mẹ NGUYỄN THỊ CÁT



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1988  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Lê Văn Thâm: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 30-11-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 225<sup>b</sup> ngày 1-3-1977.  
2. Liệt sĩ Lê Văn Phạm: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 24-9-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 277<sup>b</sup> ngày 27-9-1975.

### Mẹ LÊ THỊ DẦN



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1980  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Chồng là liệt sĩ Lê Tất Phẩm: Sinh năm 1917; hy sinh ngày 17-10-1978; Bằng Tổ quốc ghi công số DE 767<sup>cp</sup> ngày 13-1-1997.  
Có 1 con là liệt sĩ:  
Liệt sĩ Lê Quang Huy: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 26-3-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 037<sup>b</sup>.

### Mẹ NGUYỄN THỊ GIỚI



Năm sinh: 1928;  
Quê quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Trú quán: Xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên  
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.  
Có 2 con là liệt sĩ:  
1. Liệt sĩ Đàm Văn Như: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1965; hy sinh năm 1966, tại tỉnh Tuyên Quang; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 170<sup>cm</sup> ngày 13-8-1996.  
2. Liệt sĩ Đàm Xuân Ý: Sinh năm 1951; nhập ngũ năm 1971; hy sinh ngày 17-8-1972, tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 583<sup>b</sup> ngày 20-12-1974.



